

DANH SÁCH CẤP BẰNG THẠC SĨ TỐT NGHIỆP NĂM 2014

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Số, ngày Quyết định công nhận tốt nghiệp	Số hiệu VB	Vào sổ cấp VB số
----	-----------	-----------	-----------	----------	----------------------	--	------------	------------------

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Số, ngày Quyết định công nhận tốt nghiệp	Số hiệu VB	Vào sổ cấp VB số
1	Hoàng Thị Hoa Diễm	Nữ	18/12/1989	Bắc Kạn	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5194	6037
2	Khuông Trường Giang	Nam	02/09/1984	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5195	6038
3	Ngô Thị Hà	Nữ	20/09/1988	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5196	6039
4	Mai Thị Thu Hằng	Nữ	20/12/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5197	6040
5	Trần Thị Kim Hạnh	Nữ	10/09/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5198	6041
6	Đào Duy Hưng	Nam	13/12/1985	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5199	6042
7	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	29/08/1987	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5200	6043
8	Sầm Thị Thanh Huyền	Nữ	05/09/1988	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5201	6044
9	Nguyễn Kiều Linh	Nữ	17/11/1984	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5202	6045
10	Nguyễn Bích Loan	Nữ	12/01/1988	Quảng Ninh	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5203	6046
11	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	14/12/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5204	6047
12	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	07/03/1981	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5205	6048
13	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	22/08/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5206	6049
14	Hoàng Vũ Minh	Nam	29/03/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5207	6050
15	Nguyễn Thị Minh	Nữ	24/05/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5208	6051
16	Cao Duy Phúc	Nam	08/05/1988	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5209	6052
17	Phạm Văn Phúc	Nam	22/08/1985	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5210	6053
18	Bùi Ngọc Quang	Nam	06/07/1988	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5211	6054
19	Chu Hồng Quảng	Nam	25/07/1982	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5212	6055
20	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	10/02/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5213	6056
21	Hoàng Văn Sông	Nam	26/03/1986	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5214	6057
22	Vũ Xuân Tạo	Nam	08/06/1989	Bắc Ninh	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5215	6058

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Số, ngày Quyết định công nhận tốt nghiệp	Số hiệu VB	Vào sổ cấp VB số
23	Nguyễn Thu Trang	Nữ	07/05/1989	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5216	6059
24	Phùng Huy Trọng	Nam	02/12/1985	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5217	6060
25	Nguyễn Thế Trung	Nam	06/02/1987	Bắc Giang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5218	6061
26	Nguyễn Văn Tường	Nam	18/09/1981	Hà Giang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5219	6062
27	Hoàng Thị Xoan	Nữ	06/03/1982	Hà Giang	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5220	6063
28	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	25/05/1986	Cao Bằng	Công nghệ sinh học	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5221	6064
29	Trần Văn Báo	Nam	26/07/1977	Bắc Giang	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5222	6065
30	Nguyễn Hoàng Bích	Nam	17/10/1983	Hải Phòng	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5223	6066
31	Lê Quốc Đại	Nam	14/04/1986	Lạng Sơn	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5224	6067
32	Phạm Công Đình	Nam	02/06/1985	Ninh Bình	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5225	6068
33	Trần Đại Dương	Nam	02/01/1985	Ninh Bình	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5226	6069
34	Đỗ Văn Hải	Nam	26/09/1976	Nam Hà	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5227	6070
35	Lương Thị Hằng	Nữ	17/11/1983	Cao Bằng	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5228	6071
36	Phạm Thị Bích Hồng	Nữ	27/07/1985	Bắc Thái	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5229	6072
37	Nguyễn Thị Hồng Huế	Nữ	24/11/1975	Bắc Ninh	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5230	6073
38	Trần Quang Huy	Nam	20/06/1983	Thái Nguyên	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5231	6074
39	Nông Hương Na	Nữ	23/03/1973	Thái Nguyên	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5232	6075
40	Cao Xuân Nam	Nam	02/10/1977	Hà Giang	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5233	6076
41	Vũ Thị Thơm	Nữ	20/08/1986	Hải Phòng	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5234	6077
42	Mạc Văn Thư	Nam	09/09/1984	Quảng Ninh	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5235	6078
43	Nguyễn Văn Thương	Nam	26/01/1977	Vĩnh Phú	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5236	6079
44	Đặng Thị Thủy	Nữ	15/04/1980	Bắc Ninh	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5237	6080

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Số, ngày Quyết định công nhận tốt nghiệp	Số hiệu VB	Vào sổ cấp VB số
45	Lưu Thị Minh Thủy	Nữ	15/04/1980	Thái Nguyên	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5238	6081
46	Nguyễn Ngọc Tĩnh	Nam	14/09/1974	Thái Nguyên	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5239	6082
47	Đàm Minh Tuấn	Nam	22/02/1984	Cao Bằng	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5240	6083
48	Ngô Văn Tuấn	Nam	19/03/1980	Hà Tĩnh	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5241	6084
49	Võ Văn Việt	Nam	11/02/1982	Tuyên Quang	Phương pháp toán sơ cấp	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5242	6085
50	Bùi Vĩnh An	Nam	26/03/1984	Yên Bái	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5243	6086
51	Đỗ Thị Vân Anh	Nữ	02/08/1988	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5244	6087
52	Trần Đức Anh	Nam	15/12/1989	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5245	6088
53	Đỗ Thị Hoàng Ánh	Nữ	03/09/1988	Hà Nội	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5246	6089
54	Trịnh Duy Bình	Nam	09/06/1988	Hà Nội	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5247	6090
55	Vương Mạnh Cường	Nam	17/02/1980	Tuyên Quang	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5248	6091
56	Dương Ngọc Đạt	Nam	15/01/1985	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5249	6092
57	Trương Tiến Hoàng	Nam	07/08/1989	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5250	6093
58	Nguyễn Văn Hùng	Nam	13/06/1982	Hòa Bình	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5251	6094
59	Trần Văn Hưng	Nam	18/03/1979	Nam Hà	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5252	6095
60	Nguyễn Thị Hường	Nữ	02/02/1987	Hưng Yên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5253	6096
61	Ngô Thanh Huyền	Nữ	25/10/1984	Tuyên Quang	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5254	6097
62	Đào Trung Kiên	Nam	16/12/1979	Bắc Giang	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5255	6098
63	Nguyễn Thị Phương Lan	Nữ	27/05/1989	Quảng Ninh	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5256	6099
64	Đàm Văn Mạnh	Nam	13/09/1978	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5257	6100
65	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	01/03/1990	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5258	6101
66	Lê Thị Lệ Quyên	Nữ	20/06/1987	Thái Bình	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5259	6102

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Số, ngày Quyết định công nhận tốt nghiệp	Số hiệu VB	Vào sổ cấp VB số
67	Phạm Thị Quyên	Nữ	08/02/1987	Yên Bái	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5260	6103
68	Đình Từ Sơn	Nam	22/01/1983	Hà Giang	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5261	6104
69	Trần Xuân Thiện	Nam	18/04/1984	Thái Nguyên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5262	6105
70	Vũ Thị Thu	Nữ	20/02/1989	Hưng Yên	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5263	6106
71	Nguyễn Thị Thu Tính	Nữ	20/12/1979	Hải Dương	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5264	6107
72	Phạm Bá Tình	Nam	02/07/1983	Thái Bình	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5265	6108
73	Phạm Thanh Tùng	Nam	07/12/1983	Sơn La	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5266	6109
74	Nguyễn Huy Việt	Nam	13/11/1983	Hòa Bình	Toán ứng dụng	132/QĐ-ĐHTN, ngày 27/01/2014	5267	6110